

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27 /2022/QĐ-UBND

Long An, ngày 20 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kinh phí từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 353/2022/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2022 của HĐND tỉnh Long An khóa X kỳ họp thứ Năm quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kinh phí từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Long An;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 2181/TTr-SLĐTBXH ngày 11/5/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kinh phí từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Long An (đính kèm quy định).

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực UBND TTQ VN tỉnh;
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- CVP, các PCVP;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các Phòng, Ban, Trung tâm trực thuộc VPUBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, SLĐTBXH, HT. (6)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Út

20/5
Sang

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kinh phí từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Long An

(Kèm theo Quyết định số 27 /2022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kinh phí từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Long An (sau đây viết tắt là Chương trình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định liên quan.
2. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ngành tỉnh và các cấp chính quyền địa phương.
3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển.

4. Việc phân bổ cụ thể từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm trước.

5. Việc phân bổ tỷ lệ cụ thể theo từng địa bàn nhưng không vượt quá tổng số tiền được trung ương phân bổ hàng năm.

6. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn

1. Quy mô dân số của các địa phương để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê tỉnh năm 2021.

2. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của các địa phương để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu được Chủ tịch UBND tỉnh công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022 - 2025.

3. Đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố để tính hệ số được xác định căn cứ vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4. Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển do cấp có thẩm quyền phê duyệt theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025.

5. Trường hợp địa bàn đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số có hệ số phân bổ vốn cao nhất.

Điều 5. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển (sau đây viết tắt là ĐBKk)

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn đối với xã ĐBKk vùng bãi ngang, ven biển.

Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển	Hệ số
Vùng bãi ngang, ven biển	1

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

+ Vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương phân bổ cho xã ĐBKk vùng bãi ngang, ven biển được tính theo công thức: **$Bi = Q.Xi$**

Trong đó:

Bi là vốn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho xã thứ i.

Xi là hệ số tiêu chí xã thứ i.

Q là vốn bình quân cho một địa phương được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n x_i}$$

G là tổng vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển thực hiện Dự án 1.

+ Vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: bằng 10% tổng vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương theo kế hoạch vốn đầu tư phát triển trung hạn của từng địa phương.

Điều 6. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Dự án: tối đa 15% cho các sở, ban ngành tỉnh; tối thiểu 85% cho các địa phương.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố

* Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Hệ số
Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
- Dưới 5%	0,4
- Từ 5% đến dưới 10%	0,5
- Từ 10% đến dưới 15%	0,6
- Từ 15% trở lên	0,7
Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
- Dưới 500 hộ	0,1
- Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,2
- Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,3
- Từ 1.500 hộ trở lên	0,4
Tiêu chí 3. Địa bàn khó khăn	
- Xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,015
Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố	
- Đến 10 xã	1
- Từ 11 đến 13 xã	1,15
- Từ 14 đến 17 xã	1,3
- Trên 17 xã	1,45

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố
 Vốn trung ương hỗ trợ để thực hiện chương trình cho các huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức sau: $C_i = Q.X_i.Y_i$

Trong đó:

C_i là vốn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i theo công thức: $Y_i = (0,015.XN_i) \times 2,5 + ĐV_i$

XN_i là xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một địa phương được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i.Y_i}$$

G là tổng số vốn từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố thực hiện Dự án 2 của Chương trình.

Điều 7. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

1. Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiêu dự án: tối đa 2% cho các sở, ban ngành tỉnh; tối thiểu 98% cho các địa phương.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố

* Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Hệ số
Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
- Dưới 5%	0,4
- Từ 5% đến dưới 10%	0,5
- Từ 10% đến dưới 15%	0,6
- Từ 15% trở lên	0,7
Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
- Dưới 500 hộ	0,1
- Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,2
- Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,3

Tiêu chí	Hệ số
- Từ 1.500 hộ trở lên	0,4
Tiêu chí 3. Địa bàn khó khăn	
- Xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,015
Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố	
- Đến 10 xã	1
- Từ 11 đến 13 xã	1,15
- Từ 14 đến 17 xã	1,3
- Trên 17 xã	1,45

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố

Vốn Trung ương hỗ trợ để thực hiện chương trình cho các huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức sau: **$\Delta_i = Q.X_i.Y_i$**

Trong đó:

Δ_i là vốn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ i.

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i theo công thức: $Y_i = (0,015.XN_i) \times 2,5 + \Delta V_i$.

XN_i là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện.

ΔV_i là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i.

Q là vốn bình quân cho một địa phương được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i.Y_i}$$

G là tổng số vốn từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án: tối đa 10% cho các sở, ban ngành tỉnh; tối thiểu 90% cho các địa phương.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

* Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Hệ số
----------	-------

Tiêu chí 1: Địa bàn khó khăn	
- Xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,015
Tiêu chí 2: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố	
- Dưới 10 xã	1
- Từ 11 đến 13 xã	1,15
- Từ 14 đến 17 xã	1,3
- Trên 17 xã	1,45
Tiêu chí 3: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thị xã, thành phố	
- Dưới 20%	1
- Từ 20% đến dưới 25%	1,2
- Từ 25% đến dưới 30%	1,4
- Từ 30% trở lên	1,6

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn Trung ương hỗ trợ để thực hiện chương trình cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức sau: $E_i = Q.Y_i. DD_i$

Trong đó:

E_i là vốn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i.

DD_i là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thị xã, thành phố thứ i.

Y_i là tổng hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i theo công thức: $Y_i = (0,015.XN_i) \times 3 + ĐV_i$.

XN_i là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i.

Q là vốn bình quân cho một địa phương được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Y_i.DD_i}$$

G là tổng số vốn từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện Tiêu dự án 2 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

Điều 8. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng khó khăn

a) Định mức phân bổ vốn sự nghiệp

- Tối đa 20% tổng kinh phí tiểu dự án cho các sở, ngành cấp tỉnh;
- Tối đa 40% tổng kinh phí tiểu dự án để hỗ trợ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của tỉnh;
- Tối đa 40% tổng kinh phí tiểu dự án để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển.

b) Tiêu chí, nguyên tắc, phương pháp phân bổ vốn để hỗ trợ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn.

- Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Hệ số
Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
- Dưới 5%	0,4
- Từ 5% đến dưới 10%	0,5
- Từ 10% đến dưới 15%	0,6
- Từ 15% trở lên	0,7
Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
- Dưới 500 hộ	0,1
- Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,2
- Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,3
- Từ 1.500 hộ trở lên	0,4
Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
Xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,015
Tiêu chí 4: Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của tỉnh	
- Mỗi một trung tâm giáo dục nghề nghiệp	0,1
- Mỗi một trường trung cấp	0,2
- Mỗi một trường cao đẳng	0,3

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố

Vốn Trung ương hỗ trợ để thực hiện chương trình cho các huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức sau: $I_i = Q.X_i$

Trong đó:

I_i là vốn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện, thị xã, thành phố theo công thức:

$$X_i = (TL_i + QM_i) \times 3 + (TR_i + TS_i).$$

TL_i là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

QM_i là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

TR_i là tổng hệ số tiêu chí số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của huyện, thị xã, thành phố thứ i được tính theo công thức:

$$TR_i = 0,3 \times CD_i + 0,2 \times TC_i + 0,1 \times TT_i$$

CD_i là số trường cao đẳng công lập của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

TC_i là số trường trung cấp công lập của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

TT_i là số trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một địa phương được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

* Tiêu chí, nguyên tắc, phương pháp phân bổ vốn để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển.

Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Hệ số
Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
- Dưới 5%	0,4
- Từ 5% đến dưới 10%	0,5
- Từ 10% đến dưới 15%	0,6
- Từ 15% trở lên	0,7
Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
- Dưới 500 hộ	0,1
- Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,2
- Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,3
- Từ 1.500 hộ trở lên	0,4
Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
Xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,015

Tiêu chí	Hệ số
Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố	
- Dưới 10 xã	1
- Từ 11 đến 13 xã	1,15
- Từ 14 đến 17 xã	1,3
- Trên 17 xã	1,45
Tiêu chí 5: Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố	
- Dưới 10.000 người/năm	0,5
- Từ 10.000 người/năm đến dưới 20.000 người/năm	0,6
- Từ 20.000 người/năm trở lên	0,7

+ Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố

Vốn Trung ương hỗ trợ để thực hiện chương trình cho các huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức sau: $K_i = Q.X_i$

Trong đó:

K_i là vốn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện, thị xã, thành phố thứ i theo công thức:

$$X_i = TL_i + QM_i + 0,015.XN_i + ĐV_i + TS_i$$

TL_i là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

QM_i là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

XN_i là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

TS_i là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh các đối tượng của Tiểu dự án trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một địa phương được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển.

2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

a) Định mức phân bổ

- Tối đa 18% tổng kinh phí tiểu Dự án cho các sở, ngành cấp tỉnh;
- Tối thiểu 82% cho huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí, nguyên tắc, phương pháp phân bổ vốn:

Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	Hệ số
- Dưới 5%	0,4
- Từ 5% đến dưới 10%	0,5
- Từ 10% đến dưới 15%	0,6
- Từ 15% trở lên	0,7
Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	Hệ số
- Dưới 500 hộ	0,1
- Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,2
- Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,3
- Từ 1.500 hộ trở lên	0,4
Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	Hệ số
- Xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,015

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $L_i = Q.X_i.Y_i$

Trong đó:

L_i là vốn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ i.

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn của huyện, thị xã, thành phố thứ i quy định theo công thức: $Y_i = 0,015.XN_i$.

XN_i là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện.

Q là vốn bình quân cho một địa phương được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i.Y_i}$$

G là tổng số vốn từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Định mức phân bổ

- Tối đa 10% tổng kinh phí tiểu dự án cho các sở, ngành cấp tỉnh;
- Tối thiểu 90% cho huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí, nguyên tắc, phương pháp phân bổ vốn:

* Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Hệ số
Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
- Dưới 5%	0,4
- Từ 5% đến dưới 10%	0,5
- Từ 10% đến dưới 15%	0,6
- Từ 15% trở lên	0,7
Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
- Dưới 500 hộ	0,1
- Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,2
- Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,3
- Từ 1.500 hộ trở lên	0,4
Tiêu chí 3: Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của huyện, thị xã, thành phố	
- Dưới 300.000 người	1
- Từ 300.000 đến dưới 600.000 người	1,3
- Từ 600.000 đến dưới 900.000 người	1,6
- Từ 900.000 đến dưới 1.200.000 người	1,9
- Từ 1.200.000 đến dưới 1.500.000 người	2,2
- Từ 1.500.000 người trở lên	2,5

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố.

Vốn trung ương hỗ trợ để thực hiện chương trình cho các huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức sau: $M_i = Q.X_i.Y_i$

Trong đó:

M_i là vốn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i.

Q là vốn bình quân cho một địa phương được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i.Y_i}$$

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Y_i là tổng hệ số lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

G là tổng số vốn từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

Điều 9. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Định mức phân bổ: Tối đa 30% tổng kinh phí tiểu dự án cho cấp tỉnh; tối thiểu 70% cho các địa phương.

b) Tiêu chí, nguyên tắc, phương pháp phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố:

Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	Hệ số
- Dưới 5%	0,4
- Từ 5% đến dưới 10%	0,5
- Từ 10% đến dưới 15%	0,6
- Từ 15% trở lên	0,7
Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	Hệ số
- Dưới 500 hộ	0,1
- Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,2
- Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,3
- Từ 1.500 hộ trở lên	0,4
Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	Hệ số
- Xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,015
Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố	Hệ số
- Dưới 10 xã	1
- Từ 11 đến 13 xã	1,15
- Từ 14 đến 17 xã	1,3
- Trên 17 xã	1,45

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $N_i = Q.X_i.Y_i + D_i$

Trong đó:

N_i là vốn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i quy định theo công thức: $Y_i = 0,015.XN_i + ĐV_i$.

XN_i là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

D_i là nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin theo hướng dẫn của cơ quan chủ trì Tiểu dự án của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một địa phương được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G - D}{\sum_{i=1}^n X_i.Y_i}$$

Trong đó: G là tổng số vốn từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6; D là tổng nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin.

2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Định mức phân bổ: Tối đa 35% tổng kinh phí tiểu dự án cho cấp tỉnh; tối thiểu 65% cho các địa phương.

b) Tiêu chí, nguyên tắc, phương pháp phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố:

Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	Hệ số
- Dưới 5%	0,4
- Từ 5% đến dưới 10%	0,5
- Từ 10% đến dưới 15%	0,6
- Từ 15% trở lên	0,7
Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	Hệ số
- Dưới 500 hộ	0,1
- Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,2

- Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,3
- Từ 1.500 hộ trở lên	0,4
Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	Hệ số
Xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,015
Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố	Hệ số
- Dưới 10 xã	1
- Từ 11 đến 13 xã	1,15
- Từ 14 đến 17 xã	1,3
- Trên 17 xã	1,45

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $P_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$

Trong đó:

P_i là vốn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i quy định theo công thức: $Y_i = 0,015 \cdot XN_i + ĐV_i$

XN_i là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một địa phương được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố thực hiện Tiêu dự án 2, thuộc Dự án 6.

Điều 10. Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

a) Định mức phân bổ: Tối đa 25% tổng kinh phí Dự án cho cấp tỉnh; 75% cho các địa phương.

b) Tiêu chí, nguyên tắc, phương pháp phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố:

Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	Hệ số
- Dưới 5%	0,4
- Từ 5% đến dưới 10%	0,5
- Từ 10% đến dưới 15%	0,6
- Từ 15% trở lên	0,7
Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	Hệ số
- Dưới 500 hộ	0,1
- Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,2
- Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,3
- Từ 1.500 hộ trở lên	0,4
Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	Hệ số
Xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,015
Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố	Hệ số
- Dưới 10 xã	1
- Từ 11 đến 13 xã	1,15
- Từ 14 đến 17 xã	1,3
- Trên 17 xã	1,45

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $R_i = Q.X_i.Y_i$

Trong đó:

R_i là vốn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i quy định theo công thức: $Y_i = 0,015.XN_i + ĐV_i$

XN_i là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một địa phương được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i.Y_i}$$

G là tổng số vốn từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố thực hiện Tiểu dự án 2, thuộc Dự án 7.

Điều 11. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách của huyện, thị xã, thành phố thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

1. Ngoài nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách trung ương, căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách, các huyện, thị xã, thành phố bố trí vốn từ ngân sách huyện, thị xã Kiến Tường, thành phố Tân An hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo mục tiêu kế hoạch hàng năm và 5 năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó, ưu tiên bố trí thêm nguồn vốn cho xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Quy định tỷ lệ đối ứng từ nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách.

Các huyện, thị xã Kiến Tường, thành phố Tân An cân đối ngân sách đối ứng hàng năm tối thiểu từ 3% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các huyện, thị xã, thành phố xây dựng phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước do Trung ương hỗ trợ trong trung hạn và hằng năm thực hiện các dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý cho các sở, ngành tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định này.

b) Tổng hợp kế hoạch và đề xuất phân bổ ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình giai đoạn 5 năm và hằng năm của sở, ngành, địa phương và thống nhất với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, thống nhất với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính đề xuất phương án cân đối, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm trong giai đoạn 2021 - 2025 cho Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

b) Phối hợp với Sở Lao động -Thương binh và Xã hội trình cấp có thẩm quyền phê duyệt mục tiêu thực hiện Chương trình và đề xuất phương án phân bổ vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm trong giai đoạn 2021 - 2025 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững của các sở, ngành tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định này, gửi Sở Tài chính tổng hợp chung vào Kế hoạch tài chính 5 năm và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất phương án phân bổ vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của các sở, ngành tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định này.

4. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các địa phương xây dựng phương án phân bổ kế hoạch kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước do Trung ương hỗ trợ trong trung hạn và hằng năm thực hiện các dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý cho các sở, ngành tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định này.

5. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các địa phương xây dựng phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước do Trung ương hỗ trợ trong trung hạn và hằng năm thực hiện dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 do Sở Thông tin và Truyền thông quản lý cho các sở, ngành tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định này.

6. Trách nhiệm của Sở Y tế

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính cung cấp thông tin, số liệu dự án, tiểu dự án thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách phục vụ cho việc xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Căn cứ quyết định phân bổ vốn ngân sách nhà nước của tỉnh và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách huyện, thị xã, thành phố, lồng ghép các nguồn lực khác tổ chức triển khai cho các chủ đầu tư thực hiện dự án, đảm bảo đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, đạt hiệu quả, hạn chế tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải.

b) Lập kế hoạch vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước do Trung ương hỗ trợ trong trung hạn và hằng năm thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trong giai đoạn 2021 - 2025 theo đúng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định này. Đồng thời cân đối ngân sách huyện, thị xã, thành phố để đối ứng với ngân sách Trung ương hỗ trợ theo quy định này.

c) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tính chính xác các thông tin, số liệu và mức vốn phân bổ cho các dự án theo quy định.

8. Trách nhiệm của UBND cấp xã

a) Triển khai thực hiện các công trình thuộc dự án cơ sở hạ tầng chương trình hỗ trợ cho xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

b) Triển khai thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo đúng quy định.

c) Chịu trách nhiệm trước UBND cấp huyện, UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm toán về tính chính xác các thông tin, số liệu và hiệu quả đầu tư của các dự án./.



Nguyễn Văn Út